THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020,

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng đến vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2. Cung cấp các dịch vụ viễn thông với chất lượng tốt, giá cước hợp lý trên cơ sở cạnh tranh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ. Tăng cường phát triển các dịch vụ ứng dụng viễn thông trên cơ sở hạ tầng viễn thông đã được xây dựng nhằm phát huy tối đa sự hội tụ của công nghệ và dịch vụ.

3. Phát triển bền vững thị trường viễn thông, bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh thông qua việc kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp viễn thông theo các quy định của pháp luật về cạnh tranh. Phát huy nội lực, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển viễn thông.

4. Ưu tiên áp dụng các công nghệ viễn thông tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông.

5. Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin cho các hoạt động ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin, đặc biệt là trong việc thúc đẩy phát triển chính phủ điện tử, thương mại điện tử.

II. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Đến năm 2015:

a) Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 15 - 20 đường/100 dân; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động 140 máy/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định từ 6 - 8 thuê bao/100 dân; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 20 - 25 thuê bao/100 dân;

b) Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 15 - 20%; tỷ lệ người sử dụng Internet 40 - 45% dân số;

c) Phủ sóng thông tin di động đến trên 90% dân số trên cả nước;

d) Trên 90% các xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối Internet băng rộng;

đ) Tốc độ tăng trưởng viễn thông đạt khoảng 1,5 - 2 lần tốc độ tăng trưởng của GDP. Tổng doanh thu viễn thông đạt từ 10 - 12 tỷ USD, chiếm khoảng 7 - 8% GDP.

2. Đến năm 2020:

a) Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định 20 - 25 đường/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định 15 - 20 thuê bao/100 dân; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động 35 - 40 thuê bao/100 dân;

b) Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định 40 - 45%; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet 35 - 40%; tỷ lệ người sử dụng Internet 55 - 60%;

c) Phủ sóng thông tin di động đến trên 95% dân số cả nước, các tuyến đường giao thông, quốc lộ, tỉnh lộ, các điểm trọng yếu kinh tế, quốc phòng, an ninh;

d) 100% các xã có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối Internet băng rộng;

đ) Tốc độ tăng trưởng viễn thông đạt khoảng 1,2 - 1,5 lần tốc độ tăng trưởng của GDP. Tổng doanh thu viễn thông đạt từ 15 - 17 tỷ USD, chiếm khoảng 6 - 7% GDP.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng phát triển thị trường:

a) Bảo đảm thị trường viễn thông phát triển bền vững theo hướng chất lượng, hiệu quả trên cơ sở tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Đối với

một số thị trường dịch vụ viễn thông quan trọng (cố định đường dài trong nước, quốc tế; di động; Internet băng rộng), thông qua các chính sách cấp phép, kết nối, kiểm soát bình ổn thị trường và quy hoạch tài nguyên viễn thông phù hợp để một mặt đảm bảo mỗi thị trường có ít nhất 3 doanh nghiệp tham gia hoạt động nhằm thúc đẩy cạnh tranh, mặt khác tránh việc tham gia quá nhiều, đặc biệt là của các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ngoài ngành vào lĩnh vực viễn thông dẫn đến cạnh tranh quá mức và hiệu quả kinh doanh trên thị trường thấp.

b) Phát huy nội lực, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển viễn thông thông qua chính sách cấp phép kinh doanh viễn thông và từng bước cổ phần hóa các doanh nghiệp viễn thông mà nhà nước không cần nắm cổ phần chi phối. Mặt khác để phát triển thị trường viễn thông theo định hướng xã hội chủ nghĩa và đảm bảo an ninh kinh tế trong hoạt động viễn thông, Nhà nước tiếp tục nắm cổ phần chi phối trong một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng có tầm quan trọng đặc biệt đối với hoạt động của toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông quốc gia và ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

c) Cơ cấu lại thị trường viễn thông trên cơ sở tổ chức lại các doanh nghiệp viễn thông, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả, theo hướng cho phép chuyển giao, mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp viễn thông nhằm hình thành 03 - 04 các tập đoàn, tổng công ty mạnh, hoạt động theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa trên cơ sở sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng, nguồn lực và tài nguyên viễn thông. Kiểm soát chặt chẽ việc tập trung kinh tế và việc quản lý, phân bổ nguồn lực, tài nguyên viễn thông một cách hợp lý để chống xu hướng độc quyền hóa trong hoạt động viễn thông.

d) Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông có đủ năng lực, điều kiện mở rộng kinh doanh và đầu tư ra thị trường nước ngoài trên cơ sở tuân thủ luật pháp và đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

2. Định hướng phát triển mạng lưới:

a) Đẩy mạnh việc phát triển mạng truy nhập băng rộng đến hộ gia đình trên cơ sở ưu tiên phát triển mạng truy nhập hữu tuyến (cáp đồng, cáp quang). Mở rộng vùng phủ sóng và nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin di động thế hệ thứ ba (3G) nhằm cung cấp khả năng truy nhập băng rộng vô tuyến cho cá nhân ở mọi nơi, mọi lúc.

b) Nâng cao năng lực hệ thống truyền dẫn đường dài trong nước và quốc tế, trên cơ sở sử dụng hiệu quả các hệ thống hiện có, đồng thời đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các tuyến truyền dẫn cáp quang mặt đất, cáp quang biển quốc tế, nội địa

với dung lượng lớn và phóng thêm các vệ tinh viễn thông phục vụ thị trường trong nước và khu vực.

c) Từng bước thực hiện việc số hóa hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát; thanh, truyền hình mặt; đất trên cả nước. Tạo điều kiện cho việc phát triển hệ thống truyền hình vệ tinh, truyền hình cáp trên cơ sở ưu tiên việc ứng dụng công nghệ số và sử dụng cáp quang.

d) Bảo đảm tính thống nhất, toàn vẹn và an toàn, an ninh cao nhất trong việc đầu tư trang thiết bị để thiết lập mạng lưới, khai thác, cung cấp và sử dụng dịch vụ.

đ) Quy hoạch, xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thống nhất, đồng bộ. Triển khai việc ngầm hóa mạng cáp viễn thông, chỉnh trang hệ thống các cột anten theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đảm bảo yêu cầu về cảnh quan, môi trường, quy hoạch đô thị và an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông. Tăng cường chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông và dùng chung hạ tầng kỹ thuật công cộng liên ngành nhằm bảo đảm thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng.

e) Phát triển mạng viễn thông dùng riêng của các cơ quan, tổ chức trên cơ sở tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng của mạng viễn thông công cộng, đặc biệt là mạng truyền dẫn trong nước của các doanh nghiệp viễn thông.

g) Tăng cường năng lực cho các mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh. Phân định rõ hoạt động kinh doanh viễn thông với nhiệm vụ viễn thông công ích nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, của mạng viễn thông công cộng và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước, quốc phòng, an ninh.

h) Xây dựng hệ thống viễn thông dùng riêng thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai. Đẩy mạnh phát triển hiện đại hóa mạng lưới viễn thông biển, đảo nhằm đảm bảo thông tin phục vụ an ninh, quốc phòng, an toàn sinh mạng con người trên biển.

3. Định hướng phát triển dịch vụ:

a) Phát triển các dịch vụ viễn thông mới phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ, đồng thời thúc đẩy phát triển các dịch vụ ứng dụng viễn thông nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng mạng viễn thông đã được đầu tư.

b) Phổ cập các dịch vụ viễn thông công ích một cách hiệu quả trên cơ sở tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông tại các vùng công ích và hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu sử dụng dịch vụ.

c) Bảo đảm cung cấp dịch vụ điện thoại cố định cho cơ quan Đảng, nhà nước, chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trên phạm vi cả nước. Việc cung cấp dịch vụ điện thoại cố định cho người dân được thực hiện theo cơ chế thị trường tại các đô thị, vùng đồng bằng và theo cơ chế viễn thông công ích tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh việc triển khai dịch vụ thông tin di động và dịch vụ Internet băng rộng đến mọi vùng miền, hộ gia đình và người dân trên cả nước.

d) Giảm chi phí, hạ giá thành để cung cấp dịch vụ viễn thông với giá cước hợp lý phù hợp với điều kiện thu nhập của người dân, đồng thời từng bước điều chỉnh giá cước các dịch vụ hiện nay còn thấp hơn giá thành để đảm bảo hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

đ) Kiểm soát chặt chẽ giá thành, cập nhật giá cước trung bình của thị trường trong nước, khu vực và quốc tế để quản lý giá cước theo nguyên tắc tôn trọng quyền tự định giá của doanh nghiệp, bảo đảm bình ổn giá, không tăng giá quá mức ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng, đồng thời không phá giá gây thiệt hại cho doanh nghiệp và mất ổn định thị trường.

e) Nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên cơ sở xây dựng, bổ sung, sửa đổi, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông phù hợp với việc phát triển nhanh chóng của các công nghệ và dịch vụ.

g) Tăng cường công tác thực thi pháp luật trong lĩnh vực chất lượng dịch vụ thông qua việc tiến hành công bố, hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử phạt hành chính một cách nghiêm minh và kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân.

4. Định hướng phát triển công nghệ:

a) Việc phát triển, ứng dụng công nghệ viễn thông phải phù hợp với xu hướng chung trên thế giới và phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thời điểm triển khai đối với một công nghệ mới cần phải được xem xét trên cơ sở hiệu quả đầu tư, nhu cầu của thị trường, lợi ích của xã hội và mức độ hoàn thiện của công nghệ.

b) Phát triển ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng hiệu quả tài nguyên viễn thông trên nền tảng mạng lõi thế hệ sau, mạng truy nhập băng rộng, mạng Internet IPv6, mạng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình số phù hợp với điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp, nhằm cung cấp đa dịch vụ trên một hạ tầng viễn thông thống nhất.

c) Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ viễn thông thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng để đáp ứng các yêu cầu của biến đổi khí hậu toàn cầu.

5. Định hướng quy hoạch và sử dụng tài nguyên viễn thông:

a) Bảo đảm việc quy hoạch, phân bổ, chuyển nhượng tài nguyên viễn thông một cách công khai, công bằng và minh bạch, đáp ứng yêu cầu hình thành một thị trường viễn thông cạnh tranh lành mạnh. Kiểm soát chặt chẽ việc tích lũy tài nguyên viễn thông, đặc biệt là tần số vô tuyến điện thông qua việc mua bán, sát nhập, chuyển giao các doanh nghiệp viễn thông để tránh việc phá vỡ quy hoạch tài nguyên viễn thông và giảm mức độ cạnh tranh trên thị trường.

b) Áp dụng cơ chế thị trường như đấu giá, thi tuyển, cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số, kho số viễn thông, tên miền, địa chỉ Internet, nhằm lựa chọn được các doanh nghiệp có đủ năng lực kinh tế, tài chính, kỹ thuật, lao động tham gia thị trường và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên viễn thông.

c) Quy hoạch và phân bổ tài nguyên viễn thông, đặc biệt là phổ tần số vô tuyến điện theo hướng ưu tiên thúc đẩy phát triển mạng truy nhập vô tuyến băng rộng, mạng thông tin di động thế hệ tiếp theo, mạng truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình số.

d) Từ nay đến năm 2014 từng bước nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá và từ năm 2015 xem xét triển khai dịch vụ viễn thông di động băng rộng thế hệ tiếp theo tại các băng tần mới đã được quy hoạch phù hợp với xu hướng chung của thế giới và điều kiện phát triển cụ thể của Việt Nam.

đ) Từ năm 2020 xem xét việc sắp xếp lại các băng tần hiện dùng cho hệ thống thông tin di động thế hệ thứ 2, phát thanh, truyền hình tương tự mặt đất để sử dụng cho hệ thống thông tin di động thế hệ tiếp theo.

IV. CÁC GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế chính sách và pháp luật về viễn thông

a) Xây dựng, hướng dẫn, triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình có liên quan đến quản lý và phát triển viễn thông giai đoạn 2011 - 2020.

b) Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật viễn thông, Luật tần số vô tuyến điện.

c) Đẩy mạnh việc xây dựng, chuyển đổi, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về viễn thông cho phù hợp với sự phát triển của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

d) Xây dựng cơ chế, chính sách; quy định quản lý về cấp phép, giá cước, chất lượng dịch vụ, kết nối, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật viễn thông, an toàn mạng lưới, an ninh thông tin phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ, dịch vụ trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

đ) Nghiên cứu, áp dụng các cơ chế đầu tư, đấu thầu đặc thù trong lĩnh vực viễn thông để một mặt bảo đảm tính thống nhất của mạng lưới (không có quá nhiều chủng loại thiết bị trên mạng lưới gây khó khăn cho quá trình kết nối, điều hành, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị), mặt khác tránh tình trạng mạng lưới bị phụ thuộc quá lớn vào một nhà cung cấp thiết bị dẫn đến phụ thuộc vào công nghệ và giá cả gây thiệt hại cho lợi ích của doanh nghiệp và quốc gia.

e) Xây dựng, triển khai các chương trình viễn thông công ích theo hướng đổi mới loại hình, phương thức cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, kết hợp hỗ trợ theo vùng, miền và hỗ trợ theo đối tượng sử dụng dịch vụ, chuyển từ việc giao kế hoạch sang đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Giải pháp về khoa học - công nghệ

a) Tập trung nguồn lực về tài chính và con người cho nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng nhằm nâng cao năng suất lao động và năng lực canh tranh của các doanh nghiệp viễn thông.

b) Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ cao trong việc thiết lập mạng lưới, cung cấp dịch vụ và sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối viễn thông, đặc biệt là thiết bị di động, thiết bị thu xem truyền hình số nhằm giảm giá thành, phổ cập nhanh các dịch vụ viễn thông đến người dân với chất lượng tốt và giá cước hợp lý.

c) Kết hợp chặt chẽ nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ giữa viện nghiên cứu, nhà trường và doanh nghiệp viễn thông nhằm áp dụng nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào thực tiễn.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý, khai thác mạng lưới, cung cấp dịch vụ để giảm chi phí, giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp viễn thông.

3. Giải pháp về tổ chức

a) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để trên cơ sở đó cơ cấu lại thị trường viễn thông theo hướng phát triển bền vững, hiệu quả, cạnh tranh lành mạnh. Đẩy mạnh việc sắp xếp, tổ chức lại các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành viễn thông (thống nhất về mạng lưới, hội tụ về công nghệ và dịch vụ) nhằm nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh.

b) Thực hiện việc mua bán, sáp nhập, chuyển giao theo cơ chế thị trường các doanh nghiệp viễn thông hoạt động kém hiệu quả, quy mô nhỏ để hình thành các doanh nghiệp viễn thông mạnh có năng lực cạnh tranh cao làm chủ thị trường

trong nước và vươn ra quốc tế. Mặt khác kiểm soát chặt chẽ các doanh nghiệp viễn thông khống chế thị trường thực hiện việc tập trung kinh tế, chuyển quyền sử dụng tài nguyên viễn thông làm phá vỡ quy hoạch và làm giảm mức độ cạnh tranh trên thị trường.

c) Tiến hành cổ phần hóa và thoái vốn khỏi các doanh nghiệp viễn thông mà Nhà nước không cần nắm cổ phần chi phối để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển viễn thông và bảo đảm thực hiện quy định về sở hữu theo Luật viễn thông.

d) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý về viễn thông, Internet, tần số vô tuyến điện, hạ tầng kỹ thuật phát thanh truyền hình phù hợp với xu hướng phát triển của công nghệ và điều kiện của Việt Nam.

đ) Hoàn thành việc tái cấu trúc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Viễn thông Quân đội trong hoạt động viễn thông nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Giải pháp về nguồn lực

a) Sử dụng nguồn vốn từ Quỹ viễn thông công ích để hỗ trợ, cho vay các chương trình, dự án phát triển hạ tầng và phổ cập dịch vụ viễn thông đến các vùng công ích và các đối tượng chính sách xã hội.

b) Khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển và khai thác hạ tầng viễn thông, đặc biệt là hạ tầng viễn thông băng rộng; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động như hệ thống cột anten, cột treo cáp, cống bể, cáp; đa dạng hóa các dịch vụ viễn thông. Có những cơ chế về vốn, giải pháp công nghệ và mô hình kinh doanh phù hợp để thu hút đầu tư viễn thông vào các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các vùng khó khăn.

c) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển nước ngoài (ODA) cho việc xây dựng hạ tầng và phổ cập dịch vụ viễn thông, Internet băng rộng ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, trung tâm thông tin cộng đồng, trường học, bệnh viện, nhà văn hóa, thư viện và phục vụ các nhiệm vụ công ích khác.

d) Nhà nước hỗ trợ đối với các chương trình dự án truyền thông, đào tạo nguồn nhân lực viễn thông chất lượng cao và nâng cao kỹ năng số cho người dân tại các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

đ) Tích cực hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực thiết kế, ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông ngay trong các trường đại học có nội dung liên quan đến viễn thông và công nghệ thông tin.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực viễn thông, trên cơ sở xác định rõ mục tiêu, nguyên tắc và giải pháp phù hợp với lợi ích và điều kiện cụ thể của Việt Nam khi tham gia vào các hiệp định thương mại song phương và đa phương.

b) Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế về viễn thông. Phối hợp trao đổi kinh nghiệm về xây dựng chính sách, pháp luật viễn thông, đào tạo chuyên gia quản lý, kỹ thuật viễn thông.

c) Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực viễn thông phù hợp với pháp luật Việt Nam và các quy hoạch về viễn thông.

d) Tạo điều kiện về cơ chế, chính sách cho các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

6. Giải pháp về thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Nâng cao và thống nhất nhận thức, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về các quan điểm, mục tiêu, định hướng và nội dung của Quy hoạch này tới tất cả các cấp, các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội nghị, hội thảo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy hoạch, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước, trình Thủ tướng Chính phủ những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

b) Xây dựng, hướng dẫn, triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có liên quan đến phát triển viễn thông giai đoạn 2011 - 2020 như quy hoạch tần số, quy hoạch kho số, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch hệ thống kỹ thuật kiểm soát tần số, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC), kế hoạch hành động quốc gia về IPv6.

c) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi Luật viễn thông, Luật tần số vô tuyến điện như quy định về thi tuyển, đấu giá tài nguyên viễn thông, quy định danh mục các doanh nghiệp mà nhà nước nắm cổ phần chi phối, quy định về tổ chức, quản lý, khai thác mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, nhà nước.

d) Xây dựng và trình Chính phủ quy định quản lý thị trường viễn thông Việt Nam nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh và phát triển bền vững.

đ) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định về cấp phép, kết nối, quản lý tài nguyên, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn và chất lượng dịch vụ viễn thông.

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và hướng dẫn việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực viễn thông phù hợp với pháp luật Việt Nam và quốc tế.

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông khi mua bán, sáp nhập, chuyển giao và cổ phần hóa theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật.

h) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương pháp, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra xác định giá thành dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp nhằm đảm bảo bình ổn giá cho thị trường viễn thông.

i) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương chỉ đạo, hướng dẫn và thực thi quản lý cạnh tranh đối với thị trường dịch vụ viễn thông.

k) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định và quy chế phối hợp về bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông.

l) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể việc xây dựng quy hoạch và việc cấp phép xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

m) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, hướng dẫn, quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

Ban hành các cơ chế hỗ trợ, đầu tư theo Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn cho các doanh nghiệp viễn thông ứng dụng, nghiên cứu phát triển, thương mại hóa sản phẩm, sản xuất, lắp ráp các thiết bị viễn thông phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và nhu cầu thị trường ở Việt Nam.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính trong việc xây dựng các cơ chế, chính sách thông thoáng và thuận lợi cho việc đầu tư ra nước ngoài của các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông của Việt Nam.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư trọng điểm (kèm theo phụ lục quy hoạch); phối hợp xây dựng cơ chế về vốn, giải pháp công nghệ và mô hình kinh doanh để thu hút các thành phần

kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ viễn thông tới vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và các vùng khó khăn.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định việc xây dựng mạng dùng riêng của các cơ quan, tổ chức để đảm bảo tận dụng cơ sở hạ tầng của mạng viễn thông công cộng, đặc biệt là mạng truyền dẫn của các doanh nghiệp viễn thông.

4. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm để thực hiện quy hoạch trong dự toán ngân sách các Bộ, ngành.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành cơ chế, nguyên tắc kiểm soát và quản lý giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng để triển khai mạng viễn thông.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng các cơ chế tài chính đặc thù đối với một số đơn vị quản lý nhà nước trong lĩnh vực viễn thông và tần số vô tuyến điện, đơn vị bảo đảm thông tin liên lạc cho các cơ quan Đảng và Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế ngày càng cao trong lĩnh vực viễn thông.

5. Bộ Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hệ thống các đài thông tin duyên hải vào quy hoạch giao thông trên phạm vi vùng và toàn quốc.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình giao thông cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giao thông để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông.

6. Bộ Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào quy hoạch xây dựng trên phạm vi vùng và toàn quốc.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và trình Chính phủ Nghị định về sử dụng chung công trình công cộng giữa các ngành xây dựng, điện lực, giao thông và viễn thông.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, khai thác công trình ngầm cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông.

7. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính hướng dẫn Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý, khai thác hệ thống cột điện cho doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cột điện để lắp đặt cáp viễn thông.

b) Chỉ đạo quản lý thị trường kiểm soát chặt chẽ các thiết bị viễn thông bị cấm lưu thông và việc lưu thông các thiết bị viễn thông theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong chỉ đạo, hướng dẫn quản lý về tập trung kinh tế đối với thị trường dịch vụ viễn thông.

8. Bộ Quốc phòng:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình triển khai xây dựng mạng dùng riêng, bao gồm các hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cảnh giới phục vụ quốc phòng.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các đơn vị quân đội thực hiện việc bảo vệ các tuyến cáp quang trên biển.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an phân chia băng tần số an ninh, quốc phòng, dân sự.

9. Bộ Công an:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình triển khai xây dựng mạng dùng riêng bao gồm các hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống kiểm tra, giám sát, định vị bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và phòng chống tội phạm.

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, ban hành và tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông.

c) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng phân chia băng tần số an ninh, quốc phòng, dân sự.

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Triển khai thông tin, tuyên truyền về các quan điểm, mục tiêu, định hướng và nội dung của Quy hoạch này tới tất cả các cấp, ngành, doanh nghiệp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

b) Xây dựng và ban hành quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng tại địa phương.

c) Lập, phê duyệt, công bố quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động 5 năm một lần, có điều chỉnh bổ sung hàng năm và đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/2000, 1/500 của địa phương.

d) Chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hạ ngầm và chỉnh trang đường cáp viễn thông tại địa phương.

đ) Quản lý, quy định cụ thể và tổ chức thực hiện việc sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác tại địa phương.

e) Chỉ đạo giải quyết và xử lý kịp thời các trường hợp cản trở trái pháp luật, phá hoại việc xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn.

11. Các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới, dịch vụ viễn thông và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của mình phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thụ động của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng tài nguyên viễn thông để cung cấp các dịch vụ viễn thông với chất lượng tốt, giá cước hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ. Tăng cường phát triển các dịch vụ ứng dụng viễn thông trên cơ sở hạ tầng viễn thông đã được xây dựng nhằm phát huy tối đa sự hội tụ của công nghệ và dịch vụ.

c) Đầu tư, nâng cấp và mở rộng mạng viễn thông, đặc biệt là mạng truyền dẫn trong nước, quốc tế; mạng truy nhập băng rộng với tốc độ cao, vùng phủ rộng trên cơ sở kết hợp hài hòa các phương thức cáp đồng, cáp quang, vệ tinh, di động để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

d) Tăng cường hợp tác chia sẻ cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động giữa các doanh nghiệp viễn thông với nhau. Tổ chức thực hiện hạ ngầm, chỉnh trang mạng cáp thông tin, sắp xếp lại hệ thống cột ăng ten trạm phát sóng di động đảm bảo chất lượng, an toàn và mỹ quan đô thị.

đ) Tăng cường dự phòng dung lượng truyền dẫn, trang thiết bị quan trọng trên mạng lưới, đồng thời tăng cường khả năng kết nối mạng lưới của các doanh nghiệp viễn thông với nhau, đặc biệt là mạng viễn thông quốc tế để đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin trong mọi tình huống.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VIỄN THÔNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên chương trình, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn vốn	Kinh phí (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	Đề án Tăng cường năng lực cho các mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các doanh nghiệp viễn thông	Ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp viễn thông	1 200	2011 - 2015
2	Đề án hệ thống thông tin chuyên dùng thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ngân sách nhà nước	200	2011 - 2020

TT	Tên chương trình, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nguồn vốn	Kinh phí (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
3	Các chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp viễn thông	Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam	14 000	2011 - 2020
4	Chương trình phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng	Các doanh nghiệp viễn thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam	Vốn doanh nghiệp viễn thông, Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam, vốn ODA và các nguồn vốn khác	60 000	2011 - 2020
5	Chương trình nâng cấp mở rộng và xây dựng mới mạng truyền dẫn cáp quang trong nước và quốc tế	Các doanh nghiệp viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan	Vốn doanh nghiệp viễn thông, FDI, ODA	50 000	2011 - 2020
6	Dự án phóng các vệ tinh viễn thông của Việt Nam	Các doanh nghiệp viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan	Vốn doanh nghiệp viễn thông	6 500	2011 - 2015
	Tổng				**131 900**	